

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 25 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN

Thảo luận ngân sách năm 2025

Thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026.

Hôm nay, tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên tiến hành thảo luận dự toán ngân sách năm 2025 cụ thể như sau:

I. Thành phần tham gia thảo luận:

1. Đại diện Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên:

a. Ông: Dặng Quang Huy - Trưởng phòng.

b. Ông: Đỗ Tiến Đạt - Kế toán.

2. Đại diện trường MN xã Thanh An

a. Ông (Bà): Mai Thị Phuong - Chủ tài khoản.

b. Ông (bà): Lê Thị Lương - Kế toán.

II. Nội dung thảo luận:

1. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên (Bao gồm lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định và các nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên về chuyên môn, nhiệm vụ cụ thể được giao và các nhiệm vụ chi khác).

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên: Các chế độ chi hỗ trợ chính sách của học sinh, giáo viên và các nhiệm vụ chi khác).

2. Số liệu thảo luận thống nhất năm 2025

- Số biên chế theo Quy định phê duyệt tại ngày 01/01/2025: 34 người

- Số NV, BV hỗ trợ theo ND 111/2022 có mặt tại ngày 01/01/2025: 1 người

- Tổng kinh phí giao năm 2025: 10.077.476.058 đồng

Trong đó bao gồm:

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên: 8.936.988.338 đồng

+ Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên: 1.140.487.720 đồng.

(Số liệu chi tiết thống nhất theo biểu đính kèm)

Lương và các khoản phụ cấp lương, các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCD) của cán bộ, giáo viên, nhân viên tính theo biên chế hiện có tại ngày 01/01/2025, cấp đủ 12 tháng theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng, lương dạy lớp ghép của cấp tiểu học tạm cấp 9 tháng năm 2025, thẻ dục ngoài trời, phụ cấp giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật tạm cấp năm 2025, tăng lương, tăng thâm niên tạm cấp tính theo nhu cầu và số liệu của năm 2024, bổ nhiệm xếp lương CDNN chi theo Quyết định phê duyệt, giáo viên hợp đồng giao theo quyết định phê duyệt, hợp đồng lao động năm 2025, các nhiệm vụ chi như: tiền trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KT- XII DBKK ND 76/2019/ND-CP, cấp nhập phần mềm cấp theo nhu cầu và nhiệm vụ chi cụ thể, kinh phí chi các hoạt động và các nghiệp vụ chuyên môn khác cấp đủ đảm bảo các hoạt động chi thường xuyên trên cơ sở nhiệm vụ chi thường xuyên hằng năm, đối với các trường thiếu biên chế thực hiện tạm cấp kinh phí theo số biên chế được phê duyệt. các chế độ học sinh năm 2025 tính theo số liệu học kỳ II năm học 2024-2025 chi theo Quyết định phê duyệt của UBND.

Kinh phí mua sắm thiết bị dạy và học giao theo nhu cầu sử dụng và thực tế tại các trường đảm bảo sử dụng hiệu quả, kinh phí tiền thường theo ND 73/2024/ND-CP trên cơ sở số biên chế được duyệt và quỹ lương cấp đủ thực hiện năm 2025

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG

ĐẠI DIỆN PHÒNG GD&ĐT

Kế toán

Hiệu trưởng

Kế toán

Trưởng phòng


Lê Thị Lương



Mai Thị Phương

Đỗ Tiến Đạt



Đặng Quang Huy



CHI TIẾT THẢO LUẬN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: Trường MN xã Thanh An

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1096024

(Kèm theo Biên bản thảo luận ngân sách năm 2024, ngày 25/12/2024)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng số
Sự nghiệp giáo dục Mầm non (loại 070-071)	10.077.476.058
1.1 Kinh phí nhiệm vụ chi thường xuyên	8.936.988.338
Trong đó:	
- Lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp (Mã nguồn 13)	8.495.894.438
- Tăng lương, xếp lương chức danh nghề nghiệp 2024, 2025 (Mã nguồn 13)	130.350.000
- Tăng thâm niên năm 2025 (Mã nguồn 13)	28.560.000
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL (Mã nguồn 14)	
- Tiền phụ cấp ưu đãi giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật (ND 28/2012); (Mã nguồn 13)	
- Tiền công và các khoản đóng góp LD hợp đồng, nhân viên bảo vệ, phục vụ ND 111/2022; (Mã nguồn 13)	51.129.000
- Tiền công và các khoản đóng góp LD hợp đồng làm nhiệm vụ chuyên môn giáo viên ND 111/2022; (Mã nguồn 13)	
- Tiền trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện KT-XH ĐBKK ND 76/2019; (Mã nguồn 13)	
- Tiền cấp nhập phần mềm kế toán; phần mềm thiết bị và thư viện trường học; (Mã nguồn 13)	16.000.000
- Kinh phí chi các hoạt động và các nghiệp vụ chuyên môn khác (Mã nguồn 13)	215.054.900
- Hỗ trợ sửa chữa xây dựng trường chuẩn, thăm định chuẩn (Mã nguồn 13)	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ chi không thường xuyên	1.140.487.720
Trong đó:	
- Nghị định 81/2021: Hỗ trợ chi phí học tập (Mã nguồn 12)	55.350.000
- Nghị định 81/2021: Cấp bù học phí (Mã nguồn 12)	38.840.000
- Nghị định 116/2016: Chế độ học sinh bán trú (Mã nguồn 12)	
- Nghị định 105/2020 (Chính sách phát triển GDMN) (Mã nguồn 12)	101.250.000
- Thông tư 42/2013: Hỗ trợ học sinh khuyết tật (Mã Nguồn 12)	
- Nghị định 57/2017: Hỗ trợ học sinh dân tộc rất ít người (Mã nguồn 12)	
- Kinh phí do dự, cấm mốc chỉ giới quy hoạch, cấp GCNQSD đất trụ sở các trường (Mã nguồn 12)	67.200.000
- Kinh phí mua sắm thiết bị dạy và học các trường (Mã nguồn 12)	508.623.800
- Kinh phí tiền thưởng theo ND 73/2024 năm 2025 (Mã nguồn 18)	369.223.920